

NHÌN LẠI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRƯỚC THÈM WTO

TS. Hạ Thị Thiếu Dao*

Ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam bước chân vào WTO với nhiều âu lo. Trong phạm vi bài này, tác giả chỉ đề cập đến tiềm lực tài chính - một trong những trở ngại của Việt Nam khi bước vào sân chơi toàn cầu.

Về mặt lý thuyết, vốn điều lệ và vốn tự có đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của các ngân hàng. Vốn điều lệ cao, ngân hàng tạo được uy tín trên thị trường, tạo được lòng tin nơi công chúng. Vốn tự có thấp đồng nghĩa với sức mạnh tài chính yếu và khả năng chống đỡ rủi ro trong kinh doanh kém vì đó là điều kiện đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia ngân hàng, một trong những điểm yếu nhất của hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện thời là vốn nhỏ và tỷ lệ an toàn vốn thấp. Từ đánh giá này, tác giả đã cố gắng thu thập dữ liệu về vốn điều lệ và tỷ lệ an toàn vốn của các NHTM Việt Nam. Số liệu được tập hợp từ nhiều nguồn này chưa thể so sánh một cách toàn diện các NHTM trong nước với nhau nhưng cũng đủ cung cấp cái nhìn bao quát về tiềm lực tài

chính của các NHTM Việt Nam so với các nước trong khu vực và chuẩn chung của thế giới.

Về quy mô vốn, tính trên lãnh thổ Việt Nam, khối ngân hàng thương mại nhà nước có vốn điều lệ cao nhất, đứng đầu là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - 5.190 tỷ đồng¹ tương đương 325 triệu đô la Mỹ; lần lượt đến Ngân hàng Ngoại thương 4.279,1 tỷ đồng², Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - 3.970,9 tỷ đồng³, Ngân hàng Công thương - 3.328 tỷ đồng⁴. Khối NHTM cổ phần, theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, đến 06/02/2007 có 34 NHTM cổ phần đang hoạt động, tổng vốn điều lệ 16.564 tỷ đồng. Trong số này, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn thấp nhất là Mỹ Xuyên chỉ có 70 tỷ đồng, tương đương 4,3 triệu đô la Mỹ, 7 ngân hàng có vốn điều lệ trên 1000 tỷ đồng (Sài gòn thương tín 2089, Kỹ Thương - 1500, An Bình - 1319, Phương Nam - 1290, Xuất nhập khẩu - 1212, Á Châu - 1100. Khối ngân hàng liên doanh, vốn điều lệ cao nhất là Indovina 35 triệu (10/2006)⁵; kế đến là Vinasiam 20 triệu đô la, Chohung 20 triệu đô la, Viet Public 20 triệu đô la, Việt Thái 20 triệu đô la, Việt Nga 10 triệu đô la⁶. Khối chi nhánh ngân hàng nước ngoài vốn điều lệ cao nhất

là Bank of Tokyo Misubishi, Chinfon Commercial Bank 30 triệu đô la⁷, số còn lại vốn điều lệ đáng kể từ 15 đến 20 triệu đô la Mỹ. Đây đều là chi nhánh của những ngân hàng có tiềm lực tài chính rất mạnh đứng trong top đầu của thế giới và của Châu Á.

Nếu xét trong khu vực Châu Á, theo The Banker, chỉ có 3 NHTM Việt Nam lọt vào danh sách 200 ngân hàng thương mại hàng đầu Châu Á năm 2006: Ngân hàng Ngoại thương (xếp thứ 106), Ngân hàng Công thương Việt Nam (xếp thứ 156), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (xếp thứ 182). Việt Nam thuộc vào nhóm quốc gia và lãnh thổ có ít NHTM lọt vào danh sách 200 ngân hàng thương mại hàng đầu Châu Á (Việt Nam chỉ có 3 trong khi Trung Quốc 30, Ấn Độ 31, Đài Loan 39, Phillipines 13, Indonesia 11, Thái Lan 8). Ngân hàng Ngoại Thương có vốn điều lệ cao nhất là 632 triệu đô la cũng chỉ đạt mức trung bình trong khu vực ASEAN, đứng sau 5 ngân hàng của Indonesia, 8 ngân hàng của Malaysia, 2 ngân hàng của Phillipines, tất cả các ngân hàng của Singapore, 7/8 ngân hàng của Thái Lan có mặt trong danh

* Đại học Ngân hàng TP. HCM

sách này. Như vậy, trong khu vực Châu Á đã có hơn 100 đối thủ cạnh tranh mạnh hơn Việt Nam về vốn chưa kể đến trình độ công nghệ và kỹ năng làm hài lòng khách hàng.

Về tỷ lệ an toàn vốn, theo yêu cầu của Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS) và chuẩn mực an toàn hoạt động ngân hàng của Ủy ban Basel, tỷ lệ an toàn vốn được đánh giá qua hệ số đủ vốn CAR (Capital Adequacy Ratio). Một ngân hàng được xem là đủ vốn khi tỷ lệ vốn cấp I chia cho tài sản có đã điều chỉnh rủi ro tối thiểu bằng 4% và tổng vốn cấp I và II chia cho tài sản có đã điều chỉnh rủi ro tối thiểu bằng 8%. Vốn cấp I chính là vốn nòng cốt (core capital - tier 1; vốn cấp hai (vốn bổ sung - supplementary capital - tier 2); tổng vốn cấp 2 không được quá 100% vốn cấp I. Theo quyết định 457/2005/QĐ -NHNN của Thống đốc

ngân hàng nhà nước ban hành ngày 19/04/2005, vốn cấp I gồm vốn điều lệ (vốn đã được cấp, vốn đã góp), quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ và lợi nhuận không chia. Vốn cấp II gồm 50% phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật, 40% phần giá trị tăng thêm của các loại chứng khoán đầu tư (kể cả cổ phiếu đầu tư, vốn góp) được định giá lại theo quy định của pháp luật, trái phiếu chuyển đổi hoặc cổ

phiếu ưu đãi do tổ chức tín dụng phát hành; các công cụ nợ và dự phòng chung. So sánh với cả hai chuẩn này rất nhiều ngân hàng Việt Nam chưa đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn (bảng 1).

Theo The Bankers, trong số 200 ngân hàng hàng đầu Châu Á về quy mô vốn chỉ có 8 ngân

hàng trong nước sẽ phải cạnh tranh bình đẳng với những ngân hàng khổng lồ có tổng vốn điều lệ hàng ngàn tỷ đô la Mỹ như Citibank, HSBC

Sự chi phối của ngân hàng thương mại trong nước trên thị trường tín dụng và huy động (hình 1) có thể khiến ta ảo tưởng về sức mạnh của

Bảng 1: Tỷ lệ an toàn vốn của một số ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Ngân hàng	2001	2003	2004	2005	No &PTNT	3,09	4,3	4,76*	Đầu tư phát triển
1,74	3,5]	7,53 (VAS)	4,29 (ISRS)	6,86 (VAS)	3,36 (ISRS)	Công thương	1,47	3,4	6,07
Ngoại thương	1,39	3,5	8,65 (VAS)	5,86 (IAS)	10% (VAS)	8,5 (IAS)	Á châu		8,09
11,18	Sài Gòn thương tín			10,5	15,4	Phường Nam			10,31
Quốc tế				7,34	Ngoài quốc doanh			8,32	Nhà Hạ một

Nguồn: [1], [2], [3], [4], [5].

hàng không đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn: Trung Quốc 7 ngân hàng và Việt Nam 1 ngân hàng - ngân hàng Công thương (2 ngân hàng còn lại của Việt Nam không có số liệu).

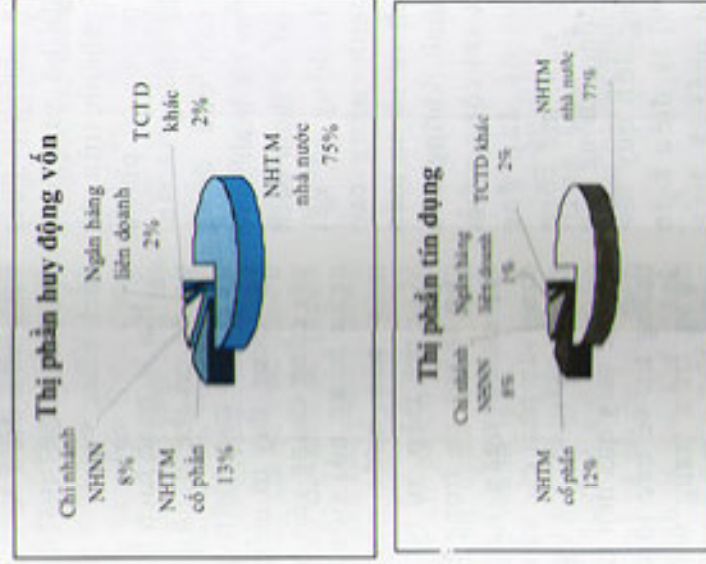
Tiềm lực tài chính yếu sẽ là một thách thức đối với Việt Nam khi 01/04/2007 sắp tới đây ngân hàng có 100% vốn nước ngoài sẽ được phép thành lập, các hạn chế tiếp cận thị trường và hạn chế đối xử quốc gia trong lĩnh vực ngân hàng sẽ dần dần được dỡ bỏ theo cam kết gia nhập WTO của Việt Nam. Các ngân

ngân hàng thương mại trong nước. Sự thực, thị phần ấn tượng này được tạo ra do môi trường cạnh tranh không bình đẳng trong đó các chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chịu những hạn chế tiếp cận thị trường và hạn chế đối xử quốc gia như giới hạn đối tượng khách hàng, số lượng, loại hình tiền tệ được phép huy động và mạng lưới hoạt động trong suốt thời gian qua.

Trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, NHTM Việt Nam đã có những điều chỉnh:

- Luật các tổ chức tín dụng định hướng đến năm 2020 đã sửa đổi bổ sung số 20/ 2004/QH ngày 15/06/2004 đã duyệt đã đặt ra mục tiêu nâng

Hình 1: Thị phần tín dụng và huy động vốn.



Nguồn: Vẽ từ số liệu của Bản cáo bạch của ngân hàng Đầu tư và phát triển 2005

quy định tỷ lệ an toàn vốn và gần đây cụ thể hoá việc tính toán tỷ lệ này trong phụ lục A đính kèm quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/04/2004.

- Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 quy định mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, trong đó các ngân hàng thương mại trong nước đến năm 2010 phải có vốn điều lệ tối thiểu 3000 tỷ đồng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có vốn điều lệ tối thiểu 15 triệu đô la.

- Đề án phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và

vốn tự có của ngân hàng thương mại nhà nước lên theo tiêu chuẩn quốc tế, nâng tỷ lệ an toàn vốn lên 8% vào năm 2010.

- Nhiều NHTM cổ phần đã phát hành cổ phiếu bổ sung và tìm kiếm các đối tác chiến lược nước ngoài mạnh về vốn, hiện đại về công nghệ, đa dạng về dịch vụ để chào bán cổ phần, khai thác thương hiệu nước ngoài để tăng thêm uy tín cho thương hiệu mình, khai thác thị trường trong nước và hướng tới khai thác thị trường tiềm năng ở quốc gia đối tác chiến lược (bảng 2).

Như vậy, trước áp lực cạnh tranh, các NHTM đã thay đổi đáng kể, có thể nói là thực sự chuyển mình tuy nhiên vẫn chưa đủ liều lượng cần thiết, đặc biệt là khối NHTM nhà nước.

Nếu không điều chỉnh từ bây giờ, ngân hàng Việt Nam sẽ không đủ khả năng chống chọi với những sức ép từ thị trường (Đơn vị: tỷ đồng)

Bảng 2: Hoạt động điều chỉnh tăng vốn của một số ngân hàng (Đơn vị: tỷ đồng)

Ngân hàng	Đối tác chiến lược	2006	Dự kiến 2007
Á Châu	Standard Chartered	1100	2200
Sài gòn - Hà nội	Deutsch Bank	1000	2000
Sài gòn thương tín	ANZ	2100	3000
Đông á	Citibank	880	2000
Kỹ thương	HSBC	1500	2700
An Bình	UOB	1131	3000
Phương Đông	BNP Paribas	630	1000

Nguồn: Tổng hợp từ nhiều nguồn.

trường trong thời gian tới. thực hiện hai việc cấp thiết Trong giai đoạn sắp tới, cần sau:

Một là tăng quy mô vốn cấp I và tăng tỷ lệ an toàn vốn. Dựa trên lý thuyết, muốn tăng tỷ lệ an toàn vốn thì hoặc là tăng từ số nghĩa là tăng vốn tự có hoặc là giảm tài sản có đã điều chỉnh rủi ro. Trong hai hướng này, về mặt kỹ thuật và kinh tế tăng vốn tự có dễ thực hiện hơn giám các tài sản có đã điều chỉnh rủi ro vì các khoản mục trong nhóm tài sản có đều liên quan đến hoạt động của ngân hàng, giám các khoản này sẽ giảm lợi nhuận của ngân hàng hoặc giảm phạm vi hoạt động của ngân hàng. Để tăng vốn tự có cần: (i) Mạnh dạn tiến hành sáp nhập các NHTM cổ phần vốn ít, hoạt động-riêng lẻ vào các ngân hàng lớn nhằm tập trung vốn, giảm phân tán mạnh mún khách hàng, giảm rủi ro, đồng thời tạo ra được một đội ngũ cán bộ nhân viên ngân hàng hoạt động chuyên nghiệp hơn. Hướng sáp nhập này đã từng thành công, điển hình là NHTM cổ phần Phương Nam. Năm 1993 với số vốn 10 tỷ đồng, ngân hàng chỉ huy động được 31,6 tỷ, dư nợ 21,6 tỷ, lợi nhuận 259 triệu. Đến năm 1997, sáp nhập thêm ngân hàng thương mại cổ phần Đồng Tháp, đến năm 1999 là ngân hàng thương mại cổ phần Đại Nam, năm 2001 ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Châu Phú, 2002 mua Quỹ tín dụng nhân dân Định Công - Thanh Trì - Hà Nội, năm 2003 sáp nhập NHTM cổ phần nông thôn Cái Sắn - Cần Thơ, nâng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng vào đầu năm 2006 và lên 1.290 tỷ đồng⁸ vào cuối năm.

Việc sáp nhập này vừa giải quyết được nỗi lo sợ bị cạnh tranh bởi các ngân hàng có vốn lớn, vừa phục vụ được cho phần khúc thị trường dành cho nông thôn và doanh nghiệp vừa và nhỏ; (ii) Phát hành cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ, đẩy nhanh tiến độ tham gia niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, cần chủ động chọn thời điểm và hình thức tăng vốn trên cơ sở minh bạch thông tin hoạt động và kết quả kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ và an toàn trong kinh doanh, không nên tăng vốn ở at khi công nghệ, nhân lực chưa đủ đáp ứng yêu cầu tăng vốn, mở rộng quy mô hoạt động, không nên quá chú trọng đến quy mô vốn vì vốn chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để có thể cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài tuy vốn lớn nhưng mạng lưới hoạt động không trải rộng khắp các địa bàn trong cả nước, am hiểu văn hóa kinh doanh không bằng ngân hàng trong nước và không có ưu thế đối với các giao dịch nhỏ lẻ vốn chiếm đa số trong cho vay và nhận tiền gửi ở Việt Nam; (iii) Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá và định hướng phát triển về lâu dài các NHTM nhà nước theo mô hình tập đoàn kinh tế đa năng như định hướng phát triển ngân hàng đã đề ra. Vì sự lớn mạnh của toàn hệ thống ngân hàng trước đòi hỏi gay gắt của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sau khi Việt Nam gia nhập WTO, vì tầm quan trọng đặc biệt của

NHTM nhà nước, ngoài những việc đã thực hiện như xử lý nợ tồn đọng, lành mạnh hóa tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh, chống rủi ro, bán tài sản, thuê lại để bổ sung vốn điều lệ ... còn cần phải thay đổi thái độ, cung cách phục vụ.

Hai là minh bạch hóa thông tin để có thể đánh giá đúng tiềm lực của ngân hàng và xây dựng, duy trì niềm tin đối với công chúng vào hệ thống ngân hàng nói riêng và bộ máy nhà nước nói chung. Việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính ngân hàng hiện đang vấp phải các vấn đề sau: (i) thông tin chậm cập nhật: Có thể thấy qua một vài ví dụ: thông tin về các tổ chức tín dụng trên trang web ngân hàng nhà nước đã lâu không cập nhật, danh sách các NHTM cổ phần mà ngân hàng nhà nước mới công bố mới đây cũng rơi vào lỗi cập nhật bản mới; tình hình tài chính trên trang web của ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất và có chi nhánh trải rộng nhất nước

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chỉ mới đến năm 2002...; (ii) thông tin không nhất quán: Theo The Bankers, vốn điều lệ của Ngân hàng Ngoại Thương năm 2005 là 632 triệu đô la Mỹ; trong khi đó trong Bản cáo bạch của Ngân hàng Ngoại thương lại là 4279,1 tỷ đồng tương đương 267 triệu đô la Mỹ; tỷ lệ an toàn vốn trong bảng cáo bạch của Ngân hàng Ngoại Thương và Ngân hàng Đầu tư Phát triển được tính theo hai chuẩn

IFRS- chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế - và VAS- chuẩn mực kế toán Việt Nam; (iii) thông tin không hệ thống: Chưa có một tổ chức chịu trách nhiệm thống kê, chưa có một biểu mẫu báo cáo tài chính chung, chưa có quy định thời gian cung cấp thông tin và cách thức cung cấp thông tin tài chính nên rất khó tìm thông tin, đặc biệt là tỷ lệ an toàn vốn. Cũng vì thiếu thông tin nên có nhiều nhà đầu tư đã mua cổ phiếu của các ngân hàng đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc mua cổ phiếu của các ngân hàng chưa được cấp giấy phép thành lập.

Với bài viết này, tác giả hy vọng các NHIM Việt Nam có dịp nhìn lại và có cơ hội điều chỉnh mình để có thể cạnh tranh ngang ngửa với ngân hàng nước ngoài ngay trên lãnh thổ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Thời báo kinh tế Việt Nam (2005). Kinh tế Việt Nam và thế giới 2003-2004.
2. Bản cáo bạch của Ngân hàng Ngoại thương, www.vcb.com.vn truy cập ngày 31/12/2006.
3. Bản cáo bạch của Ngân hàng Đầu tư Phát triển, www.hubs.com.vn truy cập ngày 29/02/2007.
4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam khuyến cáo, www.sbv.gov.vn truy cập ngày 22/02/2007.
5. Phan Thị Hoàng Yến (2006). Cơ hội và thách thức của hệ thống ngân hàng Việt Nam khi Việt Nam hội nhập

kinh tế quốc tế, Tạp chí khoa học và đào tạo ngân hàng số 55-12/2006.

6. Basel II: International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards: a Revised Framework, www.bis.org truy cập ngày 30/12/2006.

7. The Banker (2006), Top 200 banks in Asia: Commentary, Analysis and Listing, p45-53, Sep/2006.

(Endnotes)

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước, www.sbv.gov.vn.
2. Số liệu vào 31/12/2005 trong Cáo bạch của Ngân hàng ngoại thương năm 2005.

3. Số liệu vào 31/12/2005 trong Cáo bạch của Ngân hàng Đầu tư phát triển năm 2005.

4. Báo cáo thường niên 2005 của Ngân hàng Công thương, www.icb.com.vn.

5. Ngân hàng Indovina tăng vốn điều lệ lên 35 triệu USD,

www.thongtinhuongmaivietnam.com.vn.

6. Ngân hàng Việt - Nga chính thức đi vào hoạt động www.thongtinhuongmaivietnam.com.vn.

7. Danh mục dự án Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, www.mpi.gov.vn.

8. Tóm lược về hoạt động của ngân hàng Phương Nam, www.phuongnambank.com.vn.



Lễ trao giải ngân hàng năm 2006 cho các tổ chức ngân hàng, tài chính, bảo hiểm.